

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG  
VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh trình bày Báo cáo này cùng Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**CÔNG TY**

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/7/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành Công ty Cổ phần.

Ngày 03/7/2017, Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 2300181671, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 16/10/2019 là: 57.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã giao dịch là MBN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 4, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành của Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này, gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Ngô Minh Châu	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 28/12/2022
Ông Nguyễn Thế Công	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 28/12/2022
Ông Vũ Đăng Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị	
Ông Vũ Đức Thắng	Thành viên Hội đồng Quản trị	Miễn nhiệm ngày 23/4/2022
Ông Vũ Văn Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	
Ông Nguyễn Đình Thu	Thành viên Hội đồng Quản trị	

**Ban Kiểm soát**

Ông Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng Ban Kiểm soát	Miễn nhiệm ngày 23/4/2022
Bà Đặng Thị Thủy	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm ngày 23/4/2022
Bà Nghiêm Thị Oanh	Thành viên	
Bà Vũ Thị Nhuận	Thành viên	

**Ban Điều hành**

Ông Nguyễn Thế Công	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28/12/2022
Ông Nguyễn Đình Thu	Phó Giám đốc	Phụ trách điều hành Công ty kể từ ngày 01/02/2023

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP THEO)**

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Tại ngày 04/01/2023, Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 05, theo đó người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Thế Công - Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Ngoài sự kiện trên, theo nhận định của Ban Điều hành, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Nguyễn Thế Công**

**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Số: 89/2023/BCKT-CPA VIETNAM-NV4

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:**            **Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành**  
**Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Bắc Ninh được lập ngày 24/3/2023 từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



A blue handwritten signature, likely belonging to Trần Minh Nghiệp.

---

**Nguyễn Tài Dũng****Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 11/2023/UQ-CPA VIETNAM

ngày 03/01/2023 của Phó Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM****Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT**

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2023

---

**Trần Minh Nghiệp****Kiểm toán viên**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 4937-2019-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>66.508.329.582</b>	<b>70.943.881.205</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>8.495.904.047</b>	<b>29.821.260.943</b>
1. Tiền	111		8.495.904.047	14.821.260.943
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	15.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5.6</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>53.369.744.290</b>	<b>38.457.321.939</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	48.984.387.436	35.855.101.606
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		779.278.571	668.730.885
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	5.231.452.986	3.558.864.151
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(1.625.374.703)	(1.625.374.703)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.4</b>	<b>2.158.890.635</b>	<b>2.193.188.036</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.158.890.635	2.193.188.036
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>483.790.610</b>	<b>472.110.287</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.5	145.820.722	360.035.812
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.10	337.969.888	112.074.475
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+230+240+250+260)	<b>200</b>		<b>105.091.379.997</b>	<b>111.191.536.428</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>98.650.677.054</b>	<b>102.897.278.082</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	98.650.677.054	102.897.278.082
- Nguyên giá	222		150.679.925.281	150.475.614.253
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(52.029.248.227)	(47.578.336.171)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.6</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>7.000.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		5.000.000.000	5.000.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	2.000.000.000
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.440.702.943</b>	<b>1.294.258.346</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.5	1.440.702.943	1.294.258.346
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100 + 200)	<b>270</b>		<b>171.599.709.579</b>	<b>182.135.417.633</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>31.959.375.046</b>	<b>38.770.050.733</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>31.959.375.046</b>	<b>38.770.050.733</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.9	18.089.135.060	19.684.745.890
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		218.508.476	279.105.280
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	2.090.865.763	3.397.382.265
4. Phải trả người lao động	314		5.422.476.193	9.852.520.021
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	4.583.191.425	5.324.710.643
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	1.555.198.129	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	231.586.634
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>139.640.334.533</b>	<b>143.365.366.900</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	5.13	<b>61.014.175.533</b>	<b>64.739.207.900</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		57.500.000.000	57.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.371.706.328	2.689.206.050
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		142.469.205	4.550.001.850
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		142.469.205	4.550.001.850
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>78.626.159.000</b>	<b>78.626.159.000</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		78.626.159.000	78.626.159.000
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300 + 400)	<b>440</b>		<b>171.599.709.579</b>	<b>182.135.417.633</b>

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thế Công



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	149.380.072.492	182.447.993.604
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV (10 = 01-02)</b>	10		149.380.072.492	182.447.993.604
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	141.177.465.905	167.905.749.772
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV (20 = 10-11)</b>	20		8.202.606.587	14.542.243.832
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	31.868.381	739.593.779
7. Chi phí tài chính	22	6.4	45.653.521	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		45.653.521	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	7.848.182.383	9.501.972.543
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))</b>	30		340.639.064	5.779.865.068
11. Thu nhập khác	31	6.6	268.152.351	103.135.585
12. Chi phí khác	32	6.7	227.417.619	525.772
13. <b>Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	40		40.734.732	102.609.813
14. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	50		381.373.796	5.882.474.881
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	114.104.587	1.198.073.031
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. <b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	60		267.269.209	4.684.401.850
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	38	670

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thế Công

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		142.733.961.036	217.187.049.567
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(78.361.412.167)	(117.425.015.172)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(59.921.741.587)	(65.958.702.493)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(45.653.521)	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(340.000.000)	(2.146.500.000)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.797.444.048	1.543.683.176
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24.926.671.765)	(25.321.952.746)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(19.064.073.956)</b>	<b>7.878.562.332</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(721.160.000)	(3.750.478.182)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.800.000.000)	(2.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.800.000.000	7.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		31.868.381	739.593.779
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(689.291.619)</b>	<b>1.989.115.597</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		9.704.938.744	-
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(8.149.740.615)	-
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.127.189.450)	(3.146.069.465)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.571.991.321)</b>	<b>(3.146.069.465)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>(21.325.356.896)</b>	<b>6.721.608.464</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>29.821.260.943</b>	<b>23.099.652.479</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>5.1</b>	<b>8.495.904.047</b>	<b>29.821.260.943</b>

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Tuân

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thế Công

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu**

Công ty nguyên là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, được cổ phần hóa theo Quyết định số 714/QĐ-UBND ngày 21/6/2013 của UBND tỉnh Bắc Ninh. Giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 02/7/2017 là giai đoạn hoạt động từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa đến trước ngày chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần.

Ngày 03/7/2017, Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2300181671, đăng ký lần đầu ngày 14/12/2006 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 16/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 04 ngày 16/10/2019 là: 57.500.000.000 đồng (*Bằng chữ: Năm mươi bảy tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Cổ phiếu của Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã giao dịch là MBN.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 4, đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là: 557 người (tại ngày 31/12/2021 là 693 người).

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố Bắc Ninh.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh chính**

- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác thải không độc hại và độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Xây dựng công trình công ích;
- Hút bể phốt và các dịch vụ đô thị khác.

**1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam**

Ban Điều hành Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

	<u>Số năm</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Đối với Tài sản cố định do Nhà nước giao cho Công ty quản lý được áp dụng theo Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính.

**Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty);
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận cổ tức phải trả**

Cổ tức được ghi nhận là Nợ phải trả khi có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiễn An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu hoạt động tài chính:** Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm.

**Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Điều hành cho rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ công ích và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.251.077.463	8.802.575.496
Tiền gửi ngân hàng	6.244.826.584	6.018.685.447
Các khoản tương đương tiền	(i) -	15.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>8.495.904.047</b>	<b>29.821.260.943</b>

(i) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng Thương mại với lãi suất là 3%/năm.

**5.2 Phải thu của khách hàng**

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>48.984.387.436</b>	<b>35.855.101.606</b>
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Thuận Thành	2.006.303.000	-
Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Tiên Du	-	1.014.181.000
Ban quản lý các dự án công trình chỉnh trang đô thị thành phố Bắc Ninh	4.702.946.200	-
Công ty Đầu tư Phát triển hạ tầng Viglacera - CN Tổng Công ty Viglacera	-	999.006.891
Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Từ Sơn	131.681.609	1.316.812.409
UBND thành phố Bắc Ninh	37.745.356.917	28.095.873.780
Các khách hàng khác	4.398.099.710	4.429.227.526
<b>Tổng</b>	<b>48.984.387.436</b>	<b>35.855.101.606</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.3 Phải thu khác**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.231.452.986</b>	<b>(515.495.000)</b>	<b>3.558.864.151</b>	<b>(515.495.000)</b>
Bảo hiểm xã hội	5.409.894	-	3.942.182	-
Tạm ứng	1.647.655.000	-	2.083.109.000	-
Phải thu khác	3.578.388.092	(515.495.000)	1.471.812.969	(515.495.000)
<i>Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLCT</i>	<i>331.481.000</i>	<i>(331.481.000)</i>	<i>331.481.000</i>	<i>(331.481.000)</i>
<i>Khu ương cây giống Phù Lãng</i>	<i>184.014.000</i>	<i>(184.014.000)</i>	<i>184.014.000</i>	<i>(184.014.000)</i>
<i>Chi phí khác</i>	<i>3.062.893.092</i>	<i>-</i>	<i>956.317.969</i>	<i>-</i>
<b>Tổng</b>	<b>5.231.452.986</b>	<b>(515.495.000)</b>	<b>3.558.864.151</b>	<b>(515.495.000)</b>

**5.4 Hàng tồn kho**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.926.880.735	-	1.717.139.177	-
Công cụ, dụng cụ	11.700.000	-	30.654.495	-
Chi phí SXKD dở dang	220.309.900	-	445.394.364	-
<b>Tổng</b>	<b>2.158.890.635</b>	<b>-</b>	<b>2.193.188.036</b>	<b>-</b>

**5.5 Chi phí trả trước**

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>145.820.722</b>	<b>360.035.812</b>
Công cụ, dụng cụ	145.820.722	360.035.812
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.440.702.943</b>	<b>1.294.258.346</b>
Công cụ, dụng cụ	213.786.882	159.282.548
Chi phí sửa chữa	1.226.916.061	1.134.975.798
<b>Tổng</b>	<b>1.586.523.665</b>	<b>1.654.294.158</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**  
Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.6 Đầu tư tài chính**

	31/12/2022		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn					
Ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Kinh Bắc {i}	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-
Dài hạn					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Kinh Bắc	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>

{i} Khoản tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi không quá 12 tháng: 2.000.000.000 đồng, lãi suất 4,8%/năm.

**b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2022		01/01/2022				
	Tỷ lệ (%) Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc hợp lý	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác							
Công ty TNHH Môi trường Ngôi Sao Xanh	2,27	2,27	5.000.000.000 (*)	-	-	5.000.000.000 (*)	-
<b>Tổng</b>			<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>5.000.000.000</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.7 Nợ xấu**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>a) Phải thu khách hàng</b>	<b>1.109.879.703</b>	-	<b>1.109.879.703</b>	-
UBND phường Đại Phúc	279.600.000	-	279.600.000	-
Công ty TNHH Môi trường Tân Trường Lộc	226.968.703	-	226.968.703	-
Công ty Cổ phần Kính Viglacera Đáp Cầu	12.672.000	-	12.672.000	-
Công ty TNHH Âm thực Khiêu vũ Ba Miền	4.752.000	-	4.752.000	-
BQL Dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	585.887.000	-	585.887.000	-
<b>b) Phải thu khác</b>	<b>515.495.000</b>	-	<b>515.495.000</b>	-
Các hộ dân nhận tiền GPMB thừa DA đường vào KXLCT BVMB tỉnh Bắc Ninh	331.481.000	-	331.481.000	-
Khu ương cây giống Phù Lãng	184.014.000	-	184.014.000	-
<b>Tổng</b>	<b>1.625.374.703</b>	-	<b>1.625.374.703</b>	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**  
Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.8 Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND				Cộng	
	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị QL		Tài sản cố định khác
<b>NGUYỄN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	27.934.119.927	3.618.650.000	39.927.573.490	369.111.836	78.626.159.000	150.475.614.253
Tăng trong năm	-	-	721.160.000	-	-	721.160.000
Mua trong năm	-	-	721.160.000	-	-	721.160.000
Giảm trong năm	(516.848.972)	-	-	-	-	(516.848.972)
Giảm khác (i)	(516.848.972)	-	-	-	-	(516.848.972)
Số dư tại 31/12/2022	27.417.270.955	3.618.650.000	40.648.733.490	369.111.836	78.626.159.000	150.679.925.281
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2022	20.381.411.029	1.785.419.436	25.044.560.146	366.945.560	-	47.578.336.171
Tăng trong năm	983.827.954	232.180.563	3.749.586.235	2.166.276	-	4.967.761.028
Khấu hao trong năm	983.827.954	232.180.563	3.749.586.235	2.166.276	-	4.967.761.028
Giảm trong năm	(516.848.972)	-	-	-	-	(516.848.972)
Giảm khác (i)	(516.848.972)	-	-	-	-	(516.848.972)
Số dư tại 31/12/2022	20.848.390.011	2.017.599.999	28.794.146.381	369.111.836	-	52.029.248.227
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2022	7.552.708.898	1.833.230.564	14.883.013.344	2.166.276	78.626.159.000	102.897.278.082
Tại ngày 31/12/2022	6.568.880.944	1.601.050.001	11.854.587.109	-	78.626.159.000	98.650.677.054

(i) Điều chỉnh lại giá trị tài sản cố định đã thanh lý những năm trước.

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là: 28.322.766.903 VND (tại ngày 31/12/2021 là 27.761.522.630 VND).

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.9 Phải trả người bán**

*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>18.089.135.060</b>	<b>18.089.135.060</b>	<b>19.684.745.890</b>	<b>19.684.745.890</b>
Công ty TNHH Thương mại và Cảnh quan Cuộc sống xanh	371.577.149	371.577.149	2.362.175.433	2.362.175.433
Công ty TNHH Quế Ninh	2.330.469.040	2.330.469.040	923.631.708	923.631.708
Công ty TNHH SX TM và DV Môi trường Tín Nghĩa	1.607.914.927	1.607.914.927	1.648.101.943	1.648.101.943
Công ty TNHH Một thành viên TM - DV Ninh Sơn	2.505.339.838	2.505.339.838	1.120.332.076	1.120.332.076
Công ty TNHH Xây dựng và Dịch vụ Thương mại 299	-	-	1.872.790.949	1.872.790.949
Công ty TNHH Môi trường Đô thị Thuận Thành	1.966.181.000	1.966.181.000	-	-
Các đối tượng khác	9.307.653.106	9.307.653.106	11.757.713.781	11.757.713.781
<b>Tổng</b>	<b>18.089.135.060</b>	<b>18.089.135.060</b>	<b>19.684.745.890</b>	<b>19.684.745.890</b>

**5.10 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	31/12/2022
<b>a) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	3.363.549.507	3.119.274.680	4.410.763.782	2.072.060.405
Thuế thu nhập cá nhân	33.832.758	35.909.184	50.936.584	18.805.358
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.073.017.988	1.073.017.988	-
Các loại thuế	-	62.551.722	62.551.722	-
<b>Tổng</b>	<b>3.397.382.265</b>	<b>4.290.753.574</b>	<b>5.597.270.076</b>	<b>2.090.865.763</b>
<b>b) Phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.074.475	114.104.587	340.000.000	337.969.888
<b>Tổng</b>	<b>112.074.475</b>	<b>114.104.587</b>	<b>340.000.000</b>	<b>337.969.888</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<b>5.11 Phải trả khác</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>4.583.191.425</b>	<b>5.324.710.643</b>
Kinh phí công đoàn	171.315.093	142.832.001
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	196.560	3.050.335
Bảo hiểm thất nghiệp	-	201.790
Phải trả về CPH {1}	44.528.000	44.528.000
Ngân sách UBND tỉnh Bắc Ninh	-	54.905.400
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	85.016.120	66.809.085
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.282.135.652	5.012.384.032
Cụ thể:		
+ Dự án công viên Nguyễn Văn Cừ (bảo hành)	801.251.000	801.251.000
+ Công ty xây dựng Việt Đức (bảo hành)	587.360.000	587.360.000
+ Công ty TNHH MTV Môi Trường và CTĐT Bắc Ninh	-	521.738.000
+ DA đường vào KXLCT BVMB tỉnh Bắc Ninh (bảo hành)	1.657.988.000	1.657.988.000
+ Các đối tượng khác	1.235.536.652	1.444.047.032
<b>b) Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>4.583.191.425</b>	<b>5.324.710.643</b>

<b>{1} Phải trả các tổ chức, cá nhân về cổ phần hóa</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số phải trả về cổ phần hóa	144.620.000	144.620.000
Chi phí cho tổ giúp việc (trích)	(83.592.000)	(83.592.000)
Chi phí cho tổ giúp việc (phân loại từ TK 3388)	11.000.000	11.000.000
Phí tư vấn theo Hợp đồng số 23/2017/APEC.TVDN	(27.500.000)	(27.500.000)
<b>Tổng</b>	<b>44.528.000</b>	<b>44.528.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**  
Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.12 Vay và nợ thuê tài chính**

	Đơn vị tính: VND			
	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm
<b>Vay ngắn hạn</b>	1.555.198.129	1.555.198.129	9.704.938.744	8.149.740.615
<b>Vay ngắn hạn</b>				
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Kinh Bắc (i)	1.555.198.129	1.555.198.129	9.704.938.744	8.149.740.615
<b>Tổng</b>	<b>1.555.198.129</b>	<b>1.555.198.129</b>	<b>9.704.938.744</b>	<b>8.149.740.615</b>

**Thông tin**

(i) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01.01/2022/167574/HDTD ngày 5/12/2022

- Hạn mức: 10.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 02 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hạn mức tín dụng này;
- Lãi suất: 8,8%/ năm;
- Mục đích vay: Vay để thanh toán lương;
- Biện pháp bảo đảm: Các Hợp đồng thế chấp/cầm cố/ký quỹ/bảo lãnh (Hợp đồng bảo đảm) của Bên vay/Bên thứ ba có phạm vi bảo đảm bao gồm Hợp đồng tín dụng này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ CÔNG TRÌNH ĐÓ THỊ BẮC NINH**  
Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Vốn chủ sở hữu**

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND				Cộng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	
<b>Số dư tại ngày 01/01/2021</b>	<b>57.500.000.000</b>	-	<b>2.064.609.369</b>	<b>6.265.995.534</b>	<b>65.830.604.903</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	4.684.401.850	4.684.401.850
Bổ sung quỹ	-	-	624.596.681	-	624.596.681
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.273.398.853)	(2.273.398.853)
Trích Quỹ thường ban quản lý điều hành công ty	-	-	-	(205.500.000)	(205.500.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	(624.596.681)	(624.596.681)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.162.500.000)	(3.162.500.000)
Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	-	-	-	(134.400.000)	(134.400.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2021</b>	<b>57.500.000.000</b>	-	<b>2.689.206.050</b>	<b>4.550.001.850</b>	<b>64.739.207.900</b>
<b>Số dư tại ngày 01/01/2022</b>	<b>57.500.000.000</b>	-	<b>2.689.206.050</b>	<b>4.550.001.850</b>	<b>64.739.207.900</b>
Lãi trong năm này	-	-	-	267.269.209	267.269.209
Bổ sung quỹ (i)	-	-	682.500.278	-	682.500.278
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(571.585.576)	(571.585.576)
Trích Quỹ thường ban quản lý điều hành công ty (i)	-	-	-	(133.416.000)	(133.416.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	-	(682.500.278)	(682.500.278)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	(3.162.500.000)	(3.162.500.000)
Thù lao HĐQT, BKS không điều hành (i)	-	-	-	(124.800.000)	(124.800.000)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2022</b>	<b>57.500.000.000</b>	-	<b>3.371.706.328</b>	<b>142.469.205</b>	<b>61.014.175.533</b>

{i} Công ty trích lập các quỹ, chi trả thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp tham gia điều hành, chi trả cổ tức năm 2021 căn cứ Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022. Theo đó:

- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 571.585.576 VND, quỹ Thường ban quản lý điều hành Công ty: 133.416.000 VND, quỹ Đầu tư phát triển: 682.500.278 VND;
- Chia cổ tức: 3.162.500.000 VND và chi trả thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát không trực tiếp điều hành: 124.800.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC  
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

*b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu*

<b>Cổ đông</b>	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
UBND tỉnh Bắc Ninh	37.151.540.000	37.151.540.000
Cổ đông khác	20.348.460.000	20.348.460.000
<b>Tổng</b>	<b>57.500.000.000</b>	<b>57.500.000.000</b>

*c) Các giao dịch về vốn*

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
<b>Vốn góp đầu năm</b>	<b>57.500.000.000</b>	<b>57.500.000.000</b>
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
<b>Vốn góp cuối năm</b>	<b>57.500.000.000</b>	<b>57.500.000.000</b>
Cổ tức đã chia	3.162.500.000	3.162.500.000

*d) Cổ phiếu*

	<b>31/12/2022</b>	<b>01/01/2022</b>
	<b>Cổ phiếu</b>	<b>Cổ phiếu</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.750.000	5.750.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	5.750.000	5.750.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

<b>6.1 Doanh thu</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Doanh thu dịch vụ công ích	104.087.666.208	153.020.381.749
Doanh thu dịch vụ ngoài công ích	45.292.406.284	29.427.611.855
<b>Tổng</b>	<b>149.380.072.492</b>	<b>182.447.993.604</b>

  

<b>6.2 Giá vốn hàng bán</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Giá vốn dịch vụ công ích	100.811.950.002	140.998.336.717
Giá vốn dịch vụ ngoài công ích	40.365.515.903	26.907.413.055
<b>Tổng</b>	<b>141.177.465.905</b>	<b>167.905.749.772</b>

  

<b>6.3 Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.868.381	739.593.779
<b>Tổng</b>	<b>31.868.381</b>	<b>739.593.779</b>

  

<b>6.4 Chi phí tài chính</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Lãi tiền vay	45.653.521	-
<b>Tổng</b>	<b>45.653.521</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**6.5 Chi phí Quản lý doanh nghiệp**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên quản lý	1.342.525.227	2.817.141.566
Chi phí vật liệu quản lý	24.442.960	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	83.099.241	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	763.367.705	723.268.848
Thuế, phí và lệ phí	150.728.953	1.612.856.891
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.252.960	493.221.500
Chi phí bằng tiền khác	5.313.765.337	3.855.483.738
<b>Tổng</b>	<b>7.848.182.383</b>	<b>9.501.972.543</b>

**6.6 Thu nhập khác**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thanh lý vật tư cũ, hỏng	90.862.963	103.104.358
Thu nhập khác	177.289.388	31.227
<b>Tổng</b>	<b>268.152.351</b>	<b>103.135.585</b>

**6.7 Chi phí khác**

	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phạt chậm nộp thuế và phạt hành chính	13.771.478	-
Chi phí vệ sinh môi trường	153.377.661	-
Chi phí khác	60.268.480	525.772
<b>Tổng</b>	<b>227.417.619</b>	<b>525.772</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<b>6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>381.373.796</b>	<b>5.882.474.881</b>
<b>Các khoản điều chỉnh</b>		
- Chi phí không được trừ	189.149.139	107.890.274
+ <i>Chi phí không hợp lý</i>	<i>189.149.139</i>	<i>107.890.274</i>
<b>Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>570.522.935</b>	<b>5.990.365.155</b>
Thuế suất	20%	20%
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>114.104.587</b>	<b>1.198.073.031</b>

<b>6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>267.269.209</b>	<b>4.684.401.850</b>
Các khoản điều chỉnh giảm	(47.344.446)	(829.801.576)
+ <i>Trích Quỹ KT, PL và trả thù lao Ban điều hành</i>	<i>(47.344.446)</i>	<i>(829.801.576)</i>
<b>Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông</b>	<b>219.924.763</b>	<b>3.854.600.274</b>
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân (Cổ phiếu)	5.750.000	5.750.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</b>	<b>38</b>	<b>670</b>

Lợi nhuận dự kiến giữ lại để phân phối quỹ Khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Ban Điều hành của năm 2022 là số liệu ước tính được tính dựa trên tỷ lệ đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và trả thù lao Ban Điều hành năm 2021 và Lợi nhuận sau thuế năm 2022. Số liệu chính thức sẽ do Đại hội đồng Cổ đông năm 2023 thông qua.

<b>6.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<b>Năm 2022 VND</b>	<b>Năm 2021 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu	51.322.443.697	41.713.102.645
Chi phí nhân công	65.703.508.060	82.677.353.728
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.967.761.028	4.142.394.118
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.718.573.555	40.427.769.397
Chi phí bằng tiền khác	19.280.472.420	11.190.055.795
<b>Tổng</b>	<b>161.992.758.760</b>	<b>180.150.675.683</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiên An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

**Mẫu số B 09 - DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**7.1 Thông tin bên liên quan**

<b>Thông tin Đối tượng</b>	<b>Quan hệ</b>
Ủy Ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông lớn và ảnh hưởng đáng kể
Công ty Cổ phần Môi trường Thuận Thành	Cổ đông lớn và ảnh hưởng đáng kể
<b>Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Điều hành</b>	
Ông Ngô Minh Châu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 28/12/2022)
Ông Nguyễn Thế Công	Chủ tịch Hội đồng quản trị Bổ nhiệm ngày 28/12/2022)
Ông Vũ Đăng Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Đức Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 23/4/2022)
Ông Vũ Văn Cường	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Đình Thu	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Giám đốc Công ty
Ông Phạm Nhật Quang	Phó Giám đốc Công ty
<b>Ban kiểm soát</b>	
Ông Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 23/4/2022)
Bà Đặng Thị Thủy	Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 23/4/2022)
Bà Nghiêm Thị Oanh	Thành viên
Bà Vũ Thị Nhuận	Thành viên
<b>Quản lý khác</b>	
Nguyễn Thế Tuân	Kế toán trưởng Bổ nhiệm ngày 22/4/2022
Khổng Minh Dương	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty (Miễn nhiệm 28/12/2022)
Nguyễn Trường Giang	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty (Bổ nhiệm 28/12/2022)
Các thành viên thân cận của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành	Ảnh hưởng đáng kể

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.2 Giao dịch với bên liên quan**

**Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, Quản lý khác**

<b>Đối tượng</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Năm 2021</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành</b>		<b>1.323.381.455</b>	<b>1.462.171.972</b>
Ngô Minh Châu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 28/12/2022)	359.340.114	411.900.000
Nguyễn Thế Công	Chủ tịch Hội đồng quản trị Bổ nhiệm ngày 28/12/2022)	298.873.780	252.346.972
Vũ Đăng Thành	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	45.600.000	50.400.000
Vũ Đức Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị (Miễn nhiệm ngày 23/4/2022)	25.404.532	50.400.000
Vũ Văn Cường	Thành viên Hội đồng quản trị	45.600.000	50.400.000
Nguyễn Đình Thu	Thành viên Hội đồng quản trị Phó Giám đốc Công ty	297.683.626	356.325.000
Phạm Nhật Quang	Phó Giám đốc Công ty	250.879.403	290.400.000
<b>Ban kiểm soát</b>		<b>500.610.849</b>	<b>464.203.756</b>
Nguyễn Văn Cảnh	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 23/4/2022)	94.597.134	290.700.000
Đặng Thị Thủy	Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 23/4/2022)	239.000.412	-
Nghiêm Thị Oanh	Thành viên	133.413.303	139.903.756
Vũ Thị Nhuận	Thành viên	33.600.000	33.600.000
<b>Người quản lý khác</b>		<b>474.952.031</b>	<b>442.341.685</b>
Nguyễn Thế Tuấn	Kế toán trưởng	192.578.078	180.518.756
Khổng Minh Dương	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty	130.110.282	114.904.173
Nguyễn Trường Giang	Người phụ trách quản trị kiêm thư ký Công ty	152.263.671	146.918.756
<b>Tổng</b>		<b>2.298.944.335</b>	<b>2.368.717.413</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VÀ  
CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẮC NINH**

Số 4 đường Nguyễn Đăng Đạo, phường Tiền An,  
thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

**7.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

Bắc Ninh, ngày 24 tháng 3 năm 2023

Người lập



Phạm Thị Hiền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Tuấn

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thế Công